| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T**
**TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Sở
2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07A/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Ngọc D, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 303/6, Huỳnh Châu S, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 14/24, Nguyễn Trung T, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

*(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Lê Văn S quen biết tiến đến đám cưới năm 1993 và đăng ký hết hôn vào ngày 27/11/2002 tại Ủy ban nhân dân phường 6 Thị xã T (nay là thành phố T) tỉnh Long An. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì ông S không quan tâm vợ con, luôn bỏ nhà đi, anh em chồng thì chửi bới cay

nghiệt mà ông S không can thiệp. Bà đã vì con nên mới nhịn nhục sống. Tuy nhiên, đến nay con đã lớn và bà không thể tiếp tục cuộc sống như vậy nên yêu cầu được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung họ tên là Lê Diệu Minh T sinh ngày 12/02/1994. Con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 24/3/2020 nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa bà với ông Lê Văn S do bận việc gia đình.

* Bị đơn ông Lê Văn S không đến Tòa án để trình bày ý kiến và cũng không có bản tự khai nội dung sự việc.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ cho bị đơn nên Toà án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Ngọc D và ông Lê Văn S kết hôn năm 1993, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà D cho rằng sau khi cưới một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông S không quan tâm đến vợ con, thường bỏ nhà đi, ngoài ra bà D còn mâu thuẫn với anh em gia đình chồng. Bà D đã nhẫn nhịn chịu đựng sống vì con, đến nay con đã lớn nên bà không thể tiếp tục cuộc sống như vậy. Ngoài ra bà nhận thấy tình cảm với ông S không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nên bà D yêu cầu được ly hôn.

Ông Lê Văn S không tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án, không có lời khai thể hệ ý kiến trước yêu cầu ly hôn của bà D mặc dù đang sống tại địa phương. Điều đó cho thấy ông S không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà D. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D với ông S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Diệu Minh T, sinh năm 1994 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phần thủ tục:

Về thẩm quyền: Vào ngày 18/12/2019 Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An có thụ lý đơn khởi kiện của bà Dương Thị Ngọc D yêu cầu " ly hôn" với ông Lê Văn S; địa chỉ: Số 14/24, Nguyễn Trung T, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt đương sự: Ông Lê Văn S là bị đơn trong vụ án, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập ông S đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông S không đến. Công an phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An đã xác minh hiện nay ông S có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Số 14/24, Nguyễn Trung T, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An. Như vậy, ông S đang sinh sống ở địa phương nhưng ông S cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng cho ông S theo quy định của pháp luật nhưng ông S vẫn không đến Tòa án. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông S là phù hợp với các điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Dương Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/3/2020. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Phần nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Ngọc D và ông Lê Văn S có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì ông S không quan tâm vợ con, luôn bỏ nhà đi, anh em chồng thì chửi bới cay nghiệt mà ông S không can thiệp. Bà đã vì con nên mới nhịn nhục sống. Tuy nhiên, đến nay con đã lớn và bà không thể tiếp tục cuộc sống như vậy nên yêu cầu được ly hôn với ông S. Bị đơn ông Lê Văn S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Điều đó cho thấy ông S không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có nguyện vọng

tiếp tục chung sống với bà D. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà D với ông S là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà Diệu và ông S có 01 con chung họ tên là Lê Diệu Minh T, sinh ngày 12/02/1994. Con chung đã trưởng thành.

2.3 Chia tài sản và chia nợ: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[3] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Ngọc D, cho bà Dương Thị Ngọc D được ly hôn với ông Lê Văn S.

2. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Dương Thị Ngọc D và ông Lê Văn S có 01 con chung họ tên là Lê Diệu Minh Tâm, sinh ngày 12/02/1994. Con chung đã trưởng thành.

3. Chia tài sản và chia nợ: Bà Dương Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Do vậy chuyển tạm ứng án phí bà Dương Thị Ngọc D đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004122 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh LA;
-VKS TP Tân An
- Các đương sự;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Hương**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ TÂN AN**
**TỈNH LONG AN**
**------**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 08 tháng 2 năm 2018.

Tại: Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Luông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 411/2017/TLST–DS ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đăng Khoa

Địa chỉ: 49 Châu Thị Kim, phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thái Vân

Địa chỉ: Số 51 đường số 04, khu dân cư Tái định cư hành chính tỉnh, phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

*(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)*

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Nguyễn Đăng Khoa và bà Nguyễn Thái Vân.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản và chia nợ: Ông Nguyễn Đăng Khoa và bà Nguyễn Thái Vân không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về án phí: ông Nguyễn Đăng Khoa phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Do vậy chuyển tạm ứng án phí ông Nguyễn Đăng Khoa đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001741 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi …. giờ … phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Hải – Nguyễn Văn Luông** **Đoàn Thị Thu Thảo**